

Bản án số: 487/2020/DS-PT

Ngày: 30/12/2020

*V/v tranh chấp chia tài sản
chung, chia thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Đinh Như Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hà**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2020/DSPT ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DSST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 471/2020/QĐXX-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 599/2020/QĐHPT-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T C, sinh năm 1970.

Trú tại: Tổ 26, Phường G, quận H, Hà Nội

Bị đơn: Ông Nguyễn V B, sinh năm 1956.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn T T, sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

2. Bà Nguyễn T N, sinh năm 1962.

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968.

4. Bà Nguyễn T Y, sinh năm 1973.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

6. Ông Nguyễn H T, sinh năm 1974.

7. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1996.

Cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

Người kháng cáo: ông Nguyễn V B - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn T C trình bày:

Bố của bà là cụ Nguyễn Văn Mạnh, cụ Mạnh có 02 vợ là cụ Doãn Thị Bê và cụ Đỗ Thị Rạng (tức Vũ Thị Dành): Cụ Mạnh và cụ Bê có 02 người con là ông Nguyễn Đình Ất và ông Nguyễn Văn Viên. Cụ Rạng và cụ Mạnh có 06 người con là: ông Nguyễn V B, bà Nguyễn T T; bà Nguyễn T N, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn T C, bà Nguyễn T Y. Ngoài ra, cụ Rạng không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Năm 1982, cụ Mạnh mất không để lại di chúc.

Năm 1994, cụ Rạng khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Mạnh để lại. Theo bản án số 142/DSPT ngày 22+25/10/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ Vũ Thị Dành (tức bà Đỗ Thị Rạng) và 6 người con của bà được chia 72,36m² đất thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 16 tại Tụ Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và 8.815.230 đồng tiền chênh lệch tài sản. Trong đó, của cụ Rạng là 1/2 khối tài sản trên, 1/2 còn lại là dành cho 6 người con và cụ Rạng.

Số tiền đã được cụ Rạng và 6 người con chi phí chung. Cụ Rạng có bố là cụ Đỗ Văn Dũng, mẹ là cụ Nguyễn Thị Lý. Cụ Dũng mất khi anh em bà còn nhỏ, cụ Lý mất trước cụ Dũng, mất khi nào thì bà không rõ.

Nhà đất cụ Rạng cùng 6 người con ở đến khi các con trưởng thành, xây dựng gia đình và đi ở riêng, các con không ai có công sức xây dựng, sửa chữa gì.

Năm 2011, cụ Rạng mất, trước khi mất, cụ Rạng để lại văn bản là “Đơn đề nghị xác nhận chữ ký” đề ngày 01/6/2011, trong đó, có nội dung chia đều thừa đất trên cho 6 người con. Văn bản này không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Thời điểm cụ Rạng còn sống, cụ Rạng đã làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực được chia. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 21/11/2005, mang tên cụ Đỗ Thị Rạng, là thửa đất số 15, tờ bản đồ 08, diện tích 72m², tại Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội. Khi cụ Rạng làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6 anh em bà đều không biết và không ký vào văn bản nào để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình cụ.

Năm 2009, ông Bạo kết hôn với bà Tuyên. Năm 1995, bà Yên kết hôn với ông Thủy và ở nơi khác đến năm 2007, vợ chồng bà Yên và các con về nhà đất này của Rạng.

Sau khi cụ Rạnh mất, bà Yên, ông Bạo là người quản lý, sử dụng nhà đất cụ Rạnh để lại. Trong đó, ông Bạo quản lý và sử dụng ngôi nhà lợp brôximăng. Bà Yên cũng quản lý, sử dụng 1 gian nhà lợp brôximăng do cụ Rạnh xây dựng từ năm 1961. Quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Bạo đã sửa mái brôximăng thành mái tôn và lán sân trước nhà, xây bể nước. Vợ chồng bà Yên cũng thay mái tôn và lát nền, lán sân, trát lại tường, tôn nền cao 15cm, thay cửa sắt xếp và cửa nhôm kính, làm gác xếp.

Hiện ở tại nhà đất này có vợ chồng ông Bạo và bà Nguyễn Thị T; vợ chồng bà Yên, ông Nguyễn H T và 2 con là anh Nguyễn Đức L, anh Nguyễn Anh Quân.

Khi cụ Rạnh còn sống, ông Bạo thường xuyên chửi bới, xúc phạm cụ Rạnh. Sau khi cụ Rạnh mất, các con không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc chia di sản thừa kế cụ Rạnh để lại. Ông Bạo cũng thường xuyên chửi cụ ngay cả khi cụ đã mất.

Nay, bà Châm khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Rạnh là nhà đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ 08, diện tích 72m², tại Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội theo quy định của pháp luật. Do bà Thạo nhà đất ở hiện nay rất chật chội, bà xin nhường phần tài sản và kỷ phần thừa kế bà được hưởng cho bà Thạo.

Bị đơn ông Nguyễn V B trình bày: Ông Bạo xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà Châm về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Rạnh để lại cũng như, quá trình quản lý, sử dụng và công sức tôn tạo, sửa chữa nhà đất cụ Rạnh để lại cũng như bố mẹ cụ Rạnh đều đã chết từ rất lâu rồi nhưng ông chỉ thừa nhận mẹ đẻ ông là Vũ Thị Dạnh, không phải Đỗ Thị Rạnh. Còn trong quá trình chung sống do trong lúc say rượu, không làm chủ được, ông có chửi bới cụ Rạnh. Về văn bản “đơn đề nghị xác nhận chữ ký” cụ Rạnh để lại ông không biết, không ký tên và không thừa nhận văn bản này. Nay bà Châm khởi kiện chia thừa kế, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Mọi công sức sửa chữa, tôn tạo của vợ ông đối với nhà đất này, vợ ông đã có ý kiến là đều tính cho ông, ông xin nhận. Ngoài nhà đất ông đang quản lý, sử dụng ở Tam Hiệp, ông còn được cấp hơn 200m² đất ở Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội, hiện do các con của ông đang quản lý, sử dụng. Trước đây, khoảng năm 1979, ông đã được UBND xã Tam Hiệp cấp 200m² đất ở, nhưng do kinh tế khó khăn, ông đã bán thửa đất trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T T, bà Nguyễn T N, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn T Y, thống nhất trình bày: Các ông bà xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà Châm về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Rạnh để lại cũng như quá trình quản lý, sử dụng và công sức tôn tạo, sửa chữa nhà đất cụ Rạnh để lại cũng như thời điểm cụ Rạnh chết và bố mẹ cụ Rạnh đều đã chết từ rất lâu, các ông bà đều không biết năm các cụ chết. Do văn bản “đơn đề nghị xác nhận chữ ký” không có xác nhận của chính quyền địa phương nên các ông bà nhất trí đề nghị Tòa án không xem xét văn bản này. Nay bà Châm khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật, các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chia thừa kế, các ông bà xin được

chia hưởng bằng hiện vật. Bà Nga, ông Cửi xin nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Thạo do bà Thạo chỗ ở quá chật chội 4 cặp vợ chồng cùng 5 người con cùng ở trên diện tích đất 72m² tại thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Bà Thạo và xin được nhận kỷ phần của bà Nga, ông Cửi, bà Châm nhường cho. Bà Thạo, bà Yên xin được chia chung với nhau, hai chị em bà sẽ tự phân chia với nhau sau.

Bà Yên xin nhận công sức sửa chữa, tôn tạo của ông Thủy là chồng bà nhường cho bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn H T, anh Nguyễn Đức L thống nhất trình bày: Năm 1999, ông Long kết hôn với bà Nguyễn T Y, thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà đi ở nhờ, đến năm 2007, vợ chồng ông bà về ở tại nhà đất của cụ Độ Thị Rạnh tại thôn Tư Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khi ông bà về ở nhà của cụ Rạnh chỉ là nhà cấp 4, mái lợp Proximang. Quá trình ở ông bà đã sửa mái nhà, lát nền, trát lại tường và tôn nền nhà. Anh Long con trai ông bà không có công sức đóng góp gì vì còn nhỏ. Ông Thủy đề nghị chia phần công sức sửa chữa này của ông cho bà Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà lấy ông Nguyễn V B năm 2009. Sau khi kết hôn, bà và ông Bạo ở tại nhà đất của mẹ chồng tại thôn Yên Ngưu, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ sửa mái nhà, ngoài ra không sửa chữa gì khác. Bà đề nghị Tòa án chia phần công sức của bà cho ông Bạo, bà và ông Bạo sẽ tự thỏa thuận phân chia sau.

Tại phiên tòa: Bà Châm bổ sung yêu cầu khởi kiện: Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Rạnh để lại.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia tài sản chung của các ông bà trong khối tài sản chung với cụ Rạnh. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ án. Bà Nga, ông Cửi, bà Châm xin nhường cả phần tài sản chung của ông bà cho bà Thạo

Tại bản án sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân huyện Thanh Trì đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn T C

Xác nhận quyền sử dụng đất 80,5m² thuộc thửa thửa số 15, tờ bản đồ 08 tại Tư Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Đỗ Thị Rạnh (tức Vũ Thị Rạnh).

Xác nhận di sản của cụ Rạnh sau khi phân chia tài sản chung có giá trị là 928.887.700đ

Xác nhận ông Bạo, bà Châm, bà Nga, bà Thạo, bà Yên, ông Cửi khi phân chia tài sản chung với cụ Rạnh mỗi người có giá trị là 115.000.000đ

Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Rạnh là năm 2011.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Rạnh được chia theo pháp luật
Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rạnh là ông Bạo, bà Chăm, bà Nga, bà Thạo, bà Yên, ông Cui

Xác nhận mỗi kỹ phần thừa kế là 154.814.000đ

Ghi nhận việc nhường tài sản và kỹ phần thừa kế của bà Nga, ông Cui, bà Chăm cho bà Thạo

Ghi nhận sự tự nguyện việc nhường công sức sửa chữa nhà của bà Tuyên cho ông Bạo, của ông Thủy cho bà Yên

Ghi nhận việc được chia chung tài sản giữa bà Yên và bà Thạo

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Chia bà Thạo, bà Yên quản lý, sở hữu, sử dụng nhà một tầng có gác xép, công trình phụ, mái tạm, bể nước, nhà 1 tầng có gác xép, sàn lát gạch hoa mái lợp tôn, nhà tạm lợp proximang (có công tình phụ và mái tạm trước nhà lợp proximang cùng sân bê tông cổng trên diện tích 80,5m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 08 tại Tựu Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội, có tổng giá trị là 1.634.663.143đ. Bà Thạo, bà Yên có trách nhiệm thanh toán cho ông Bạo 274.567.243đ. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp nhà ông Ất và ngõ đi có các đoạn dài 5,36m, 8,78m và 1,29m

Phía Bắc giáp nhà ông Ất có các đoạn dài 3,49m; 3,61m

Phía Tây giáp nhà bà Chinh có các đoạn dài 6,29m; 4,2m

Phía Nam giáp nhà ông Lai, ông Khánh, bà Hòa, ông Tuấn có các đoạn dài 4,88m; 3,24m; 1,92m; 8,45m (có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn V B là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được hưởng tài sản chung và di sản thừa kế của cụ Rạnh bằng đất để lấy chỗ ở và làm nơi thờ cúng bố mẹ, ông không nhận tài sản bằng tiền.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của phía bị đơn nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, giải quyết vắng mặt những người này.

Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn T C yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Rạnh theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà Châm bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của các ông bà trong khối di sản của cụ Rạnh để lại. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa cũng đồng ý việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung trong khối di sản của cụ Rạnh, và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này của bà Châm không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Châm là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật là chưa đầy đủ, do đó phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định:

Cụ Nguyễn Văn Mạnh có hai vợ là cụ Doãn Thị Bê và cụ Đỗ Thị Rạnh (tức Vũ Thị Rạnh). Cụ Mạnh và cụ Rạnh có 6 người con là ông Nguyễn V B, bà Nguyễn T T, bà Nguyễn T N, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn T C, bà Nguyễn T Y. Ngoài ra, cụ Rạnh không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Năm 1982, cụ Mạnh chết không để lại di chúc. Năm 1994, cụ Rạnh khởi kiện cụ Doãn Thị Bê yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế di sản của cụ Mạnh. Theo bản án số 142/DSPT ngày 22+25/10/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ Đỗ Thị Rạnh (tức Vũ Thị Rạnh) và 6 người con của cụ được chia 72,36m² đất thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 16 (nay là thửa số 15, tờ bản đồ 08,) tại Tụ Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và 8.815.230 đồng tiền chênh lệch tài sản. Trong đó, của cụ Rạnh là ½ khối tài sản trên, ½ còn lại là dành cho 6 người con và cụ Rạnh. Số tiền đã được cụ Rạnh và 6 người con chi phí chung và không ai có yêu cầu gì đối với số tiền chênh lệch này. Năm 2005, cụ Rạnh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con của cụ Rạnh không ai biết, cũng không có biên bản đồng ý của các con cụ Rạnh nhường phần tài sản mình được chia cho cụ Rạnh, do vậy xác định đất thửa số 15, tờ bản đồ 08, Tụ Liệt, Tam Hiệp, Thanh

Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Rạnh và 6 người con theo bản án số 142/DSPT ngày 22+25/10/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Năm 2011, cụ Rạnh chết, trước khi chết cụ Rạnh có để lại “Đơn đề nghị xác nhận chữ ký” đề ngày 01/6/2011 với nội dung chia đều thừa đất trên cho 6 người con nhưng không có xác nhận của UBND xã hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nguyên đơn không yêu cầu xem xét đơn đề nghị này, bị đơn cũng không công nhận đơn đề nghị của cụ Rạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét và xác định cụ Rạnh chết không để lại di chúc.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong khối tài sản của cụ Rạnh và chia thừa kế di sản của cụ Rạnh, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định thừa số 15, tờ bản đồ 08, Tụu Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Rạnh và 6 người con theo bản án số 142/DSPT ngày 22+25/10/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rạnh gồm 06 người con là: ông Bạo, bà Thạo, bà Nga, ông Cửi, bà Yên, bà Tuyền, bà Châm.

Xác định di sản của cụ Rạnh và tài sản chung của cụ Rạnh cùng 06 người con là thừa đất số 78, tờ bản đồ số 16 (nay là thừa số 15, tờ bản đồ 08,) tại Tụu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội đo đạc hiện trạng có diện tích 80,5m², giá trị quyền sử dụng đất là 20.000.000đ/m² x 80,5m² = 1.610.000.000đ.

Ông Nguyễn V B kháng cáo đề nghị Hội đồng xem xét xác định mẹ ông là Vũ Thị Dạnh không phải Đỗ Thị Rạnh, tuy nhiên tại biên bản xác minh tại UBND xã Tam Hiệp và các tài liệu thể hiện cụ Vũ Thị Dạnh có tên gọi khác là bà Đỗ Thị Ranh hay Đỗ Thị Rạnh; cụ Rạnh chính là người đi làm các thủ tục để đổi tên là Đỗ Thị Rạnh nên yêu cầu kháng cáo này của ông Bạo là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị được chia tài sản chung, chia di sản thừa kế cho ông bằng đất ở để ông lấy nơi ở và làm nơi thờ cúng bố mẹ, tuy nhiên xét di sản thừa kế và tài sản chung của cụ Rạnh cùng 06 người con là thừa đất có diện tích 80,5m², nếu được chia bằng hiện vật ông Bạo chỉ được chia 1/6 diện tích thừa đất = 13,42m² là quá nhỏ nên không thể chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế bằng hiện vật của ông Bạo. Mặt khác, hiện nay ông Bạo đã có nơi ở ổn định, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế, chia tài sản chung cho ông Bạo bằng tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc phân chia tài sản của cụ Rạnh và 6 người con theo Bản án số 142/DSPT ngày 22+25/10/1994 của Hội đồng xét xử sơ thẩm là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên việc phân chia cụ thể như sau:

Cụ Rạnh được hưởng ½ trị giá tài sản, ½ trị giá tài sản còn lại là của cụ Rạnh và 6 người con. Như vậy tài sản của cụ Rạnh có giá trị là 805.000.000đ + 115.000.000đ +

8.889.700đ (trị giá nhà còn lại do cụ xây dựng) = 928.887.700đ và 6 người con của cụ mỗi người được hưởng tài sản có giá trị là 115.000.000đ.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rạnh là ông Bạo, bà Thạo, bà Yên, bà Chăm, ông Cửi và bà Nga. Mỗi kỹ phần được hưởng là $928.887.700đ : 6 = 154.814.000đ$

Bà Thạo, ông Cửi, bà Nga, bà Yên, bà Chăm, ông Bạo mỗi người được chia hưởng là $115.000.000đ + 154.814.000đ = 269.814.000đ$.

Ông Cửi, bà Chăm, bà Nga tự nguyện nhường toàn bộ kỹ phần cũng như tài sản mình được hưởng cho bà Thạo nên được ghi nhận.

Tổng giá trị tài sản bà Thạo được chia hưởng và được ông Cửi, bà Nga, bà Chăm nhường tài sản và kỹ phần là $269.814.000đ \times 4 = 1.079.256.000$ đồng.

Bà Thạo và bà Yên xin được chia chung với nhau nên được ghi nhận

Bà Tuyên xin được nhường phần công sức sửa chữa nhà của bà cho ông Bạo, ông Thủy cũng xin được nhường công sức sửa chữa tôn tạo nhà mình cho bà Yên nên ghi nhận sự nhường công sức xây dựng này của ông bà.

Xác định công sức sửa chữa của vợ chồng ông Bạo, bà Tuyên là phần sân có mái tôn trị giá 1.991.180đ; sân có giá trị 662.180đ và bể nước có giá trị 2.099.874đ. Tổng cộng là 4.753.234đ; công sức của vợ chồng bà Yên, ông Thủy là phần sân bê tông có lợp mái có giá trị 1.073.480đ, bếp và khu phụ có giá trị 5.968.360đ, phần mái tôn nhà có giá trị 880.000đ, phần nền lát gạch men có giá trị 720.000đ; công trát tường có giá trị 1.760.000đ; lắp cửa kính có giá trị 303.560đ và cửa xếp có giá trị 316.800đ, tổng cộng 11.022.200đ. Bà Tuyên đề nghị chia phần công sức của bà cho ông Bạo, ông Thủy đề nghị chia phần công sức của ông cho bà Yên nên được ghi nhận.

Xác định công sức sửa chữa của vợ chồng ông Bạo, bà Tuyên là phần sân có mái tôn trị giá 1.991.180đ; sân có giá trị 662.180đ và bể nước có giá trị 2.099.874đ. Tổng cộng là 4.753.234đ; công sức của vợ chồng bà Yên, ông Thủy là phần sân bê tông có lợp mái có giá trị 1.073.480đ, bếp và khu phụ có giá trị 5.968.360đ, phần mái tôn nhà có giá trị 880.000đ, phần nền lát gạch men có giá trị 720.000đ; công trát tường có giá trị 1.760.000đ; lắp cửa kính có giá trị 303.560đ và cửa xếp có giá trị 316.800đ, tổng cộng 11.022.200đ. Bà Tuyên đề nghị chia phần công sức của bà cho ông Bạo, ông Thủy đề nghị chia phần công sức của ông cho bà Yên nên được ghi nhận.

Chia bà Thạo, bà Yên quản lý, sở hữu, sử dụng nhà một tầng có gác xếp, công trình phụ, mái tam, bể nước, nhà 1 tầng có gác xếp, sàn lát gạch hoa mái lợp tôn, nhà tam lợp proximang (có công tình phụ và mái tam trước nhà lợp proximang cùng sân bê tông cổng trên diện tích 80,5m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 08 tại Tựu Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội, có tổng giá trị là 1.634.663.143đ. Bà Thạo, bà Yên có trách nhiệm thanh toán cho ông Bạo 274.567.243đ.

Bà Thạo, bà Yên có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất và tài sản trên đất được chia.

Từ những phân tích trên hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn V B nên giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì tuy nhiên cần xác định lại quan hệ tranh chấp và sửa lại bản án dân sự sơ thẩm về cách tuyên án.

Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật.

Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn T T, ông Nguyễn V B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 1 Điều 309, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015 ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* Xứ: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn V B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội về cách tuyên án cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn T C đối với ông Nguyễn V B.

1.1. Xác nhận quyền sử dụng đất 80,5m² thuộc thửa thừa số 15, tờ bản đồ 08 tại Tựu Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội là tài sản chung của cụ Đỗ Thị Rạnh (tức Vũ Thị Rạnh) và các con là ông Nguyễn V B, bà Nguyễn T T, bà Nguyễn T N, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn T Y, và bà Nguyễn T C.

1.2. Xác nhận di sản của cụ Rạnh sau khi phân chia tài sản chung có giá trị là 928.887.700 đồng.

1.3. Xác nhận ông Bạo, bà Thạo, bà Nga, ông Cửi, bà Yên, bà Châm khi phân chia tài sản chung với cụ Rạnh mỗi người có giá trị là 115.000.000 đồng.

1.4. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Rạnh là năm 2011.

Chia di sản thừa kế của cụ Rạnh được chia theo pháp luật.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rạnh là ông Bạo, bà Châm, bà Nga, bà Thạo, bà Yên, ông Cửi.

Xác nhận mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 154.814.000đ đồng.

Ghi nhận việc nhường phần tài sản chung và kỷ phần thừa kế của bà Nga, ông Cửi, bà Châm cho bà Thạo

Ghi nhận sự tự nguyện việc nhường công sức sửa chữa nhà của bà Tuyên cho ông Bạo, của ông Thủy cho bà Yên.

Ghi nhận việc được chia chung tài sản giữa bà Yên và bà Thạo.

2. Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

Chia cho bà Thạo, bà Yên quản lý, sở hữu, sử dụng nhà một tầng có gác xép, công trình phụ, mái tạm, bể nước, nhà 1 tầng có gác xép, sàn lát gạch hoa mái lợp tôn, nhà tạm lợp proximang (có công trình phụ và mái tạm trước nhà lợp proximang cùng sân bê tông cổng trên diện tích 80,5m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ 08 tại Tựu Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội, có tổng giá trị là 1.634.663.143 đồng. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp nhà ông Ất và ngõ đi có các đoạn dài 5,36m, 8,78m và 1,29m.

Phía Bắc giáp nhà ông Ất có các đoạn dài 3,49m; 3,61m.

Phía Tây giáp nhà bà Chinh có các đoạn dài 6,29m; 4,2m.

Phía Nam giáp nhà ông Lai, ông Khánh, bà Hòa, ông Tuấn có các đoạn dài 4,88m; 3,24m; 1,92m; 8,45m (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn T T, bà Nguyễn T Y có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và tài sản trên đất được chia.

Bà Thạo, bà Yên có trách nhiệm thanh toán cho ông Bạo số tiền 274.567.243 đồng.

3. Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

4. Về án phí: Bà Nguyễn T T, ông Nguyễn V B được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn T Y phải chịu 13.490.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn T C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà Nguyễn T C 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 6493 ngày 20/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

5. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yến